

Bản án số: 32/2024/HC-ST

Ngày 20-9-2024

“V/v khiếu kiện hành vi hành chính
trong lĩnh vực đất đai và bồi thường
thiệt hại”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông K'Tiên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Xuân Vân và ông Nguyễn Xuân Trung

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Đoàn Thùy An là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk
Nông

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:** Bà
Nguyễn Thị Thanh Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 20-9-2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công
khai vụ án hành chính thụ lý số: 65/2024/TLST-HC ngày 05-7-2024 về việc “*Khiếu
kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực đất đai và bồi thường thiệt hại*”, theo Quyết
định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 57/2024/QĐXXST-HC ngày 06-9-2024, giữa các
đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà **Đặng Thị T**; địa chỉ: **Tổ dân phố I, phường N, thành
phố G, tỉnh Đắk Nông** – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch **Ủy ban nhân dân thành phố G, tỉnh Đắk Nông**.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Thạch Cảnh T1**, chức vụ: Phó Chủ tịch **Ủy
ban nhân dân thành phố G, tỉnh Đắk Nông** – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2.2. **Ủy ban nhân dân phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông**.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Trường C** – Chức vụ: Phó chủ tịch
Ủy ban nhân dân phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông; địa chỉ: **Phường N, thành
phố G, tỉnh Đắk Nông** – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Đặng Văn H** và bà **Võ Thị T2**;
địa chỉ: **Tổ dân phố I, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông** – Có đơn xin xét xử
vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo đơn khởi kiện ngày 02-7-2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện trình bày: Năm 1979, gia đình bà **Võ Thị T2** và ông **Đặng Văn H** khai hoang diện tích đất khoảng 01 ha tại **tổ dân phố D, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông**. Năm 1995, gia đình bà **T2** được cấp GCNQSDĐ đối với các thửa đất số 73, 81, 88. Trong năm 1995 ông **H** và bà **T2** xây dựng căn nhà gỗ trên đất để sinh sống đến năm 2003 thì tặng cho bà **Đặng Thị T** một phần diện tích đất và căn nhà trên đất nhưng chưa làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất. Cùng năm 2003, bà **T** sửa sang và xây dựng thêm diện tích nhà, công trình khoảng 140m². Đến năm 2013, gia đình bà **T2** bị nhà nước thu hồi một phần diện tích đất khoảng 2000m² và một phần diện tích 63,87m² nhà xây lửng thưng ván để xây dựng bờ kè hồ trung tâm **thành phố G**. Theo phiếu triết tính năm 2013 thì nhà nước đã bồi thường, hỗ trợ nhà, công trình gắn liền trên đất theo hệ số 80% giá trị xây dựng. Sau khi thu hồi thì phần diện tích nhà còn lại trên đất khoảng 77m².

Năm 2020, cũng tại vị trí này, Ủy ban nhân dân (UBND) **thành phố G** ban hành quyết định số 74, quyết định số 95/QĐ-UBND thu hồi toàn bộ 3 thửa đất của gia đình gồm thửa 73, 81, 88 tờ bản đồ số 13 tổng diện tích là 6.432,9m² và công trình nhà trên đất có diện tích 77m² để làm khu tái định cư phía đông hồ trung tâm. Ngày 30/6/2021, **UBND thành phố G** ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 660/QĐ-UBND để bồi thường thửa đất số 73, 81, 88 tờ bản đồ 13, riêng đối với nhà cửa, công trình kiến trúc trên đất UBND lại xác định gia đình xây dựng năm 2007 nên chỉ hỗ trợ cho gia đình 50% giá trị xây dựng với số tiền 105.980.647 đồng trong khi nhà của gia đình đã làm từ năm 1995 và sửa chữa vào năm 2003 và trước kia đã được nhà nước hỗ trợ 80%. Sau đó UBND thành phố ban hành quyết định cưỡng chế số 716/QĐ-UBND ngày 13/4/2023 về việc cưỡng chế thu hồi đất của bà **T2** và tiến hành cưỡng chế phá dỡ căn nhà của bà **T** nhưng không đưa bà vào tham gia trong vụ việc cưỡng chế là vi phạm pháp luật, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà **T**. Nay bà **T** khởi kiện đề nghị Tòa án tuyên bố hành vi hành chính của Chủ tịch **UBND thành phố G** về việc ban hành quyết định hành chính cưỡng chế phá dỡ nhà nhưng không đưa bà **T** là người liên quan là vi phạm pháp luật. Tuyên bố hành vi hành chính của **UBND phường N** không giao quyết định cưỡng chế, không giao các thông báo về ngày giờ thực hiện việc cưỡng chế là hành vi hành chính trái pháp luật; buộc Chủ tịch **UBND thành phố G** và **UBND phường N** phải liên đới bồi thường số tiền thiệt hại là 50 triệu đồng do hành vi trái pháp luật phá dỡ nhà, làm hư hỏng toàn bộ tài sản như bàn, ghế, giường, tủ, máy xay cà phê, máy tưới cà phê...

Quá trình giải quyết vụ án, bà **Đặng Thị T** rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc Chủ tịch **UBND thành phố G** và **UBND phường N** phải liên đới bồi thường thiệt hại số tiền 50.000.000 đồng. Đề nghị Tòa án đình chỉ giải quyết yêu cầu này theo quy định.

2. Người bị kiện trình bày:

2.1. Chủ tịch **UBND thành phố G** trình bày: Bà **Đặng Thị T** không thuộc đối

tượng thu hồi đất nên Ban quản lý dự án&phát triển quỹ đất thành phố G không bàn giao các giấy tờ liên quan đến bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho bà T mà bàn giao cho bà Võ Thị T2 (mẹ của bà T) là đối tượng thu hồi đất khi Nhà nước thu hồi đất, đồng thời bà T2 đã ký nhận các văn bản liên quan đến việc cưỡng chế là đúng quy định của pháp luật. Ngày 09/5/2023, B thực hiện cưỡng chế thành phố G đã áp dụng biện pháp cưỡng chế thu hồi đất theo quy định. Tài sản của gia đình bà Đặng Thị T xây dựng trên đất của bà Võ Thị T2 đã được lập biên bản ghi nhận và chuyển về trụ sở của UBND phường N trông giữ, bảo quản theo quy định (có kèm theo biên bản kiểm kê tài sản ngày 09/5/2023). Ngày 09/5/2024, UBND phường N đã ban hành thông báo số 35 gửi đến hộ bà Đặng Thị T để liên hệ đến UBND phường N nhận lại các tài sản của gia đình trước ngày 30/5/2024.

2.2. Ủy ban nhân dân phường N trình bày: Thực hiện Quyết định cưỡng chế thu hồi đất và tài sản trên đất của bà Võ Thị T2. Ngày 09-5-2024, UBND phường N ban hành Thông báo số: 35/TB-UBND về việc nhận lại tài sản sau khi thực hiện Quyết định số 716/QĐ-UBND ngày 13-4-2023 của Chủ tịch UBND thành phố G về việc cưỡng chế quyết định thu hồi đất khi Nhà nước thu hồi đất thuộc hạng mục: Khi tái định cư phía Đông Hồ Trung tâm – Công trình: Hồ Gia N.

3. Ông Đặng Văn H và bà VõThị T3 trình bày: Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị T, ông H và bà T3 không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

4. Tại phiên tòa các đương sự đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

5. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; khoản 2 Điều 173; điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính. Áp dụng khoản 4 Điều 71 Luật đất đai năm 2013: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị T: Tuyên bố hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân thành phố G Chủ tịch UBND thành phố G ban hành quyết định hành chính cưỡng chế phá dỡ nhà nhưng không đưa bà T là người liên quan là vi phạm pháp luật; tuyên bố hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân phường N không giao quyết định cưỡng chế, không giao các thông báo về ngày giờ thực hiện việc cưỡng chế là hành vi hành chính trái pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 09-5-2024, UBND phường N ban hành Thông báo số: 35/TB-UBND về việc nhận lại tài sản sau khi thực hiện Quyết định số 716/QĐ-UBND ngày 13-4-2023 của Chủ tịch UBND thành phố G về việc cưỡng chế quyết định thu hồi đất của bà Đặng Thị T. Ngày 02-7-2024, bà Đặng Thị T khởi kiện là trong thời hiệu khởi kiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng

hành chính.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ khoản 4 Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

[2]. Đối với nội dung yêu cầu khởi kiện của bà **Đặng Thị T**.

[2.1]. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà **Đặng Thị T** đối với yêu cầu buộc Chủ tịch **UBND thành phố G** và **UBND phường N, thành phố G** liên đới bồi thường thiệt hại số tiền 50.000.000 đồng.

[2.2]. Tại Thông báo số 416/TB-BTHCC ngày 31-5-2022 của **UBND thành phố G** về việc tổ chức vận động các hộ dân trước khi thực hiện Quyết định cưỡng chế thu hồi đất, Thông báo số 540/TB-BTHCC ngày 10-6-2022 của **UBND thành phố G** về việc tổ chức vận động các hộ dân trước khi thực hiện Quyết định cưỡng chế thu hồi đất, Văn bản trả lời đơn kiến nghị số 120/KN-QLDA&PTQĐ ngày 25-10-2022 của Ban QLDA&PTQĐ thuộc **UBND thành phố G** trả lời đơn kiến nghị của bà **Đặng Thị T** con gái bà **Võ Thị T2**, **UBND thành phố G** và các đơn vị trực thuộc đều xác định căn nhà và các tài sản liên quan trên diện tích đất thu hồi của bà **Võ Thị T2** là của bà **Đặng Thị T**.

[2.3]. Tại Quyết định số: 716/QĐ-UBND ngày 13-4-2023 của Chủ tịch **UBND thành phố G** quyết định cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ bà **Võ Thị T2** đối với thửa đất số 73, 81, 88 mảnh trích đo địa chính số 13-2018, diện tích 6423,9m² đất trồng cây lâu năm tại **phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông** do không chấp hành Quyết định thu hồi đất của **UBND thành phố G**. Ngày 17-4-2023, UBND thực hiện bàn giao Quyết định cưỡng chế thu hồi đất cho bà **Võ Thị T2**. Ngày 08-5-2023, bàn giao Thông báo về việc điều chỉnh thời gian thực hiện Quyết định cưỡng chế thu hồi đất (nhưng bà **T2** không nhận). Ngày 09-5-2023, **B** thực hiện cưỡng chế **thành phố G** đã thực hiện áp dụng biện pháp cưỡng chế thu hồi đất theo quy định, tài sản của bà **Đặng Thị T** xây dựng trên đất của bà **Võ Thị T2** được lập biên bản và chuyển đến **UBND phường N** trông giữ, bảo quản theo quy định.

[2.4]. Khoản 4 Điều 71 Luật Đất đai năm 2013 quy định trình tự, thủ tục thực hiện cưỡng chế thu hồi đất:

“a) Trước khi tiến hành cưỡng chế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập Ban thực hiện cưỡng chế;

*b) Ban thực hiện cưỡng chế vận động, thuyết phục, đối thoại với người bị cưỡng chế; nếu người bị cưỡng chế chấp hành thì **B** thực hiện cưỡng chế lập biên bản ghi nhận sự chấp hành. Việc bàn giao đất được thực hiện chậm nhất sau 30 ngày kể từ ngày lập biên bản.*

Trường hợp người bị cưỡng chế không chấp hành quyết định cưỡng chế thì Ban thực hiện cưỡng chế tổ chức thực hiện cưỡng chế;

*c) Ban thực hiện cưỡng chế có quyền **buộc người bị cưỡng chế và những người có liên quan** phải ra khỏi khu đất cưỡng chế, tự chuyển tài sản ra khỏi khu đất cưỡng chế; nếu không thực hiện thì Ban thực hiện cưỡng chế có trách nhiệm di chuyển người bị cưỡng chế và người có liên quan cùng tài sản ra khỏi khu đất cưỡng chế.*

Trường hợp người bị cưỡng chế từ chối nhận tài sản thì B thực hiện cưỡng chế phải lập biên bản, tổ chức thực hiện bảo quản tài sản theo quy định của pháp luật và thông báo cho người có tài sản nhận lại tài sản.”

[2.5]. Như vậy, Chủ tịch UBND thành phố G ban hành Thông báo cưỡng chế thu hồi đất, Thông báo điều chỉnh thời gian thực hiện Quyết định cưỡng chế thu hồi đất nhưng không thông báo cho bà Đặng Thị T là người có tài sản trên đất cưỡng chế và tự ý chuyển tài sản của bà T ra khỏi khu đất cưỡng chế, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của bà T, vi phạm quy định tại khoản 4 Điều 71 của Luật Đất đai, . Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị T về việc tuyên bố hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân thành phố G Chủ tịch UBND thành phố G ban hành quyết định hành chính cưỡng chế phá dỡ nhà nhưng không đưa bà T là người liên quan là vi phạm pháp luật. Tuyên bố hành vi hành chính của UBND phường N không giao quyết định cưỡng chế, không giao các thông báo về ngày giờ thực hiện việc cưỡng chế là hành vi hành chính trái pháp luật.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên người bị kiện phải chịu án phí sơ thẩm; trả lại người khởi kiện tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; khoản 2 Điều 173; điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính. Áp dụng khoản 4 Điều 71 Luật đất đai năm 2013: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị T:

1.1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị T đối với yêu cầu buộc Chủ tịch UBND thành phố G và UBND phường N, thành phố G liên đới bồi thường thiệt hại số tiền 50.000.000 đồng.

1.2. Tuyên bố hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân thành phố G Chủ tịch UBND thành phố G ban hành quyết định hành chính cưỡng chế phá dỡ nhà nhưng không đưa bà T là người liên quan là vi phạm pháp luật.

1.3. Tuyên bố hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân phường N không giao quyết định cưỡng chế, không giao các thông báo về ngày giờ thực hiện việc cưỡng chế là hành vi hành chính trái pháp luật

2. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 348 của Luật Tố tụng hành chính; khoản 2 Điều 32 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

2.1. Ủy ban nhân dân thành phố G, tỉnh Đắk Nông và Ủy ban nhân dân phường N mỗi người phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

2.2. Trả lại cho bà Đặng Thị T 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai số: 0002212 ngày 04-7-2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt

tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày giao bản án hoặc niêm yết bản án đúng quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- UBND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Cục THADS tỉnh Đắk Nông;
- Các đương sự;
- Lưu: Tổ HCTP; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

K'Tiên